TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 7 - 2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Ngọc Liêm

2. Bà Nguyễn Thị Ly

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Nhựt Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 336/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 347/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ D (Ý), sinh năm 2000;

Đăng ký thường trú: số G, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: số A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988

Địa chỉ: số G, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D do mai mối nên tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang vào năm 2019. Sau khi kết hôn, anh T và chị D chung sống tại nhà chị D tại ấp L, xã L,

huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T hiểu lầm chị D nói xấu người khác nên vợ chồng đã xảy ra cự cãi dẫn đến trong đêm chị D uống thuốc sâu tự tử nhưng được cứu chữa kịp thời nên không nguy hiểm đến tính mạng. Đến khoảng tháng 4/2024, vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn do anh T cho rằng chị D không quan tâm, chăm sóc con nên anh T mang con chung về nhà cha mẹ ruột của anh T sinh sống. Sau đó, chị D và anh T tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và anh T có hành vi dùng chân đạp xe khiến chị D té ngã. Ngoài ra, quá trình chung sống, anh Nguyễn Văn T không chăm lo cho vợ con, chị D phải tự kiếm tiền để tiêu xài cá nhân và lo tiền ăn uống hằng ngày cho con, khi yêu cầu anh T đưa tiền mua sữa cho con thì anh T chỉ cho chị D 100.000 đồng - 200.000 đồng, anh T chỉ lo tiền học phí cho con mà không lo các chi phí khác trong gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh T cùng gia đình anh T có tạo điều kiện để chị D và anh T hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vì chị D đã cho anh T nhiều lần cơ hội để sửa đổi nhưng anh T không thay đổi tính tình nên không hàn gắn được. Do không tình cảm vợ chồng không còn nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị D và anh T có 01 (một) con chung tên Nguyễn Khánh V, sinh ngày 11/11/2018, hiện nay con chung đang sống với anh Nguyễn Văn T. Khi ly hôn, chị D đồng ý để anh Nguyễn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Khánh V; chị D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh của con chung.

Theo Tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D do mai mối nên tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang vào năm 2019. Sau khi kết hôn, anh T và chị D chung sống và đi làm tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T nghe vợ nói xấu người khác, anh T không đồng ý nên vợ chồng đã xảy ra cự cãi dẫn đến trong đêm chị D uống thuốc sâu tự tử nhưng được cứu chữa kịp thời. Đến khoảng tháng 4/2024, vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn do chị D không quan tâm đến con, khi con bệnh thì anh T có nhắc chị D cho con uống thuốc nhiều lần nhưng chị D vẫn không cho con uống thuốc nên vợ chồng xảy ra cự cãi và anh T có đạp phá đồ đạc trong nhà. Trong quá trình sinh sống, có một lần anh T đạp xe khiến chị D té ngã. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh T cùng gia đình bên anh T có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh T và chị D nhưng không thành do chị D không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do còn thương chị D,

muốn vợ chồng cùng chăm lo cho con nên anh Nguyễn Văn T không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ D.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Mỹ D có 01 (một) con chung tên Nguyễn Khánh V, sinh ngày 11/11/2018, hiện nay con chung đang sống với anh T. Khi ly hôn, anh Nguyễn Văn T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Khánh V, sinh ngày 11/11/2018; không yêu cầu Nguyễn Thị Mỹ D cấp dưỡng nuôi con chung. Nghề nghiệp của anh T hiện nay đang làm nhân viên bảo trì máy móc cho lò gạch với mức thu nhập 12.000.000 đồng/tháng nên đủ để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; chị D đang thất nghiệp không có thu nhập.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chứng minh cho lời trình bày: Không có.

Tại phiên tòa,

Chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày: Chị D và anh T kết hôn năm 2017. Vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung về tiền bạc và việc chăm sóc cho con; anh T không quan tâm đến lời nói của chị D, không tôn trọng ý kiến của chị D; anh T không đưa tiền cho chị D để lo cho gia đình; khi xảy cự cãi, anh T có hành vi đập phá đồ đạc trong gia đình. Chị D đã cho nhiều lần cơ hội nhưng anh T không thay đổi tính tình. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt từ tháng 4/2024 do anh T có hành vi bạo lực gia đình với chị D nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình 02 bên có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị D và anh T nhưng do anh T không thay đổi tính tình nên không hàn gắn được. Do đó, về quan hệ hôn nhân, chị D yêu cầu được ly hôn với anh T; về con chung, chị D đồng ý để anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Khánh V, sinh ngày 11/11/2018, hiện nay đang sống với anh T, chị D không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T trình bày: Vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do chị D nói xấu người khác, anh T khuyên ngăn mà không được. Đến tháng 4/2024, vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn do chị D không quan tâm, chăm sóc tốt cho con; có một lần, khi xảy ra mâu thuẫn, anh T có hành vi đạp xe làm chị D bị té ngã nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình 02 bên có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị D và anh T; bản thân anh T cũng có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng do chị D không đồng ý nên không hàn gắn được. Về quan hệ hôn nhân, anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D. Về con chung, anh T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Khánh V, sinh ngày 11/11/2018, hiện nay đang sống với anh T; không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ D. Về quan hệ hôn nhân, chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung, anh Nguyễn Văn T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Khánh V, sinh ngày 11/11/2018; chị Nguyễn Thị Mỹ D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Nguyễn Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Nguyễn Văn T (bị đơn) có nơi cư trú tại số G, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân:

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Mỹ D cho rằng không còn tình cảm vợ chồng với anh T, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không thể chung sống với anh T nên yêu cầu được ly hôn với anh T; anh Nguyễn Văn T cho rằng còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn với chị D. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Mỹ D vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; anh Nguyễn Văn T thay đổi ý kiến, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

Xét thấy, chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn T phát sinh từ năm 2022 dẫn đến chị Nguyễn Thị Mỹ D phải uống thuốc sâu để tự tử. Đến tháng 4/2024 vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thì anh T có hành vi đập phá đồ đạc và xâm phạm đến sức khỏe chị D. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị D và anh T theo quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được; anh Nguyễn Văn T cho rằng còn thương vợ nhưng cũng không có biện pháp tích cực nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, đồng thời, tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 3 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội

đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị D yêu cầu ly hôn anh T phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung:

Chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn T xác định chị D và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Khánh V, sinh ngày 11/11/2018, hiện nay đang sống với anh T. Khi ly hôn, chị D và anh T thống nhất giao con chung cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; chị D không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc giao con chung là người chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng khi chị D và anh T ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Căn cứ lời trình bày của chị D và anh T, hiện nay con chung đang sống với anh T và phát triển tốt. Để ổn định cuộc sống cho cháu V, giúp cháu V phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị D và anh T thống nhất để anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị D và anh T ly hôn phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị D và anh T ly hôn nên chị Nguyễn Thị Mỹ D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.3] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ D.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 58, ngày 19/4/2019 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn T không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Anh Nguyễn Văn T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Khánh V, sinh ngày 11/11/2018. Hiện nay đang sống với anh Nguyễn Văn T.

Chị Nguyễn Thị Mỹ D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Nguyễn Thị Mỹ D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0015444 ngày 07/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phước Sang